

Hoạt Động Đại Lý

Các bên nước ngoài có thể giao cho các đối tác trong nước làm đại lý tại Việt Nam để thực hiện việc mua bán các loại hàng hóa thuộc diện được phép kinh doanh tại Việt Nam, trừ hàng hóa thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu. Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hợp đồng đại lý chỉ được ký sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Hợp đồng đại lý phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương. Theo Luật Thương mại, các hoạt động đại lý có thể được thực hiện dưới các hình thức sau: đại lý hoa hồng, đại lý bao tiêu, đại lý độc quyền và tổng đại lý.

Văn bản Pháp luật

Cơ sở pháp lý áp dụng đối với hoạt động giao đại lý được áp dụng tương tự với cơ sở pháp lý áp dụng cho việc đặt gia công của các bên nước ngoài tại Việt Nam.

Nội dung Hợp đồng

Nội dung yêu cầu phải có trong hợp đồng đại lý mua bán là khá đơn giản so với các loại hình hợp đồng thương mại và kinh tế khác. Hợp đồng chỉ bắt buộc phải có các nội dung sau: Mô tả vế bên giao đại lý và bên đại lý; Hàng hóa giao đại lý: tên, quy cách, phẩm chất, số lượng, khối lượng; Thời hạn, phương thức và địa điểm giao hàng; Giá cả; Tỷ lệ hoa hồng và các chi phí; Phương thức và thời điểm thanh toán; Chế độ thưởng, phạt và bồi thường thiệt hại; và Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

Các Hoạt động được phép thực hiện

Bên giao đại lý nước ngoài có toàn quyền quyết định giá mua và giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ cho khách hàng; giá giao đại lý; yêu cầu bên đại lý thực hiện biện pháp bảo đảm, nhận tiền đặt cọc hoặc giấy tờ về tài sản bảo đảm từ bên đại

lý, yêu cầu bên đại lý thanh toán tiền hoặc giao hàng theo hợp đồng đại lý đã ký kết. Để kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng, bên giao đại lý nước ngoài có thể cử nhân viên đến cơ sở của bên đại lý tại Việt Nam.

Trong thực tế, thay mặt bên giao đại lý nước ngoài, các đại lý trong nước thường thực hiện các công việc liên quan đến thủ tục xuất nhập khẩu, khai thuế và thanh toán các khoản thuế liên quan.

Thuế

Các hàng hóa trong hợp đồng có thể phải chịu thuế xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Mua Cổ Phần Trong Công Ty Việt Nam

Về lý thuyết, nhà đầu tư nước ngoài dù là cá nhân hay tổ chức đều có thể nắm giữ hoặc mua tới 100% cổ phần tại tất cả loại hình công ty trong nước, trừ một số trường hợp đặc biệt như đầu tư vào các ngành cụ thể (như ngân hàng) hoặc vào các công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể với số vốn nước ngoài (lên tới 49%) hoặc do điều lệ của công ty đại chúng, công ty niêm yết có quy định giới hạn tỷ lệ số vốn nước ngoài và đã báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quy định pháp luật Việt Nam hiện hành công nhận và đối xử đối với các công ty có vốn đầu tư của nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông) ở mức dưới 51% vốn điều lệ tương tự như đối với các công ty Việt Nam được thành lập trong nước.

Văn bản Pháp luật

Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư ban hành ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 tạo lập cơ sở pháp lý cho bên nước ngoài mua phần vốn góp/cổ phần tại các doanh nghiệp Việt Nam. Quyển này được quy định cụ thể hơn trong một số văn bản dưới luật, bao gồm Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ban hành ngày 19/10/2015, hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp; Thông tư số 131/2010/TT-BTC ngày 6/9/2010 hướng dẫn thực hiện quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 131”); Thông tư số 19/2014/TT-NHNN ngày 11/08/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn quản lý ngoại hối đi với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam (“Thông tư 19”); v.v. Bao trùm toàn bộ các ngành dịch vụ và bổ sung cho các quy định pháp lý nêu trên của Việt Nam là cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, cụ thể được phản ánh trong Biểu cam kết dịch vụ, có hiệu lực từ ngày 11/01/2007.

Yêu cầu

Nhìn chung, hiện nay, tất cả các loại hình công ty tại Việt Nam, bao gồm doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần (CTCP), công ty TNHH, công ty hợp danh đều có quy định bán phần vốn góp/cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Về lý thuyết, nhà đầu tư nước ngoài có thể mua tới 100% số vốn điều lệ của công ty, tuy nhiên, tùy từng thời điểm và nhất là trong một số ngành nghề cụ thể, việc đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài vẫn phải chịu sự điều chỉnh của một số hạn chế trên dưới 100%, ví dụ trong ngành ngân hàng, nhà đầu tư nước ngoài chỉ được phép sở hữu tối đa 30%, hoặc đi với các công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đi với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài chỉ được sở hữu tối đa không quá 49% vốn điều lệ.

Theo các quy định hiện hành, nhà đầu tư nước ngoài có thể mua phần vốn góp/ cổ phần và trực tiếp hoặc gián tiếp chuyển phần

lợi nhuận được chia/ cõ tức và tiõn gõc ra nước ngoài thông qua ngân hàng trong nước và nước ngoài được cõp phép hoạt động tại Việt Nam. Đõ hỗ trợ cho các giao dịch này, nhà đõu tư nước ngoài được quyõn mõ tài khoõn võn đõu tư gián tiõp tại các ngân hàng tại Việt Nam, trừ trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đã được cơ quan có thõm quyõn cõp Giõy chứng nhận đõu tư/ Giõy chứng nhận đăng ký đõu tư thì doanh nghiệp này phõi thực hiện mõ tài khoõn võn đõu tư trực tiõp, là tài khoõn thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng đõng Việt Nam, tại một ngân hàng được phép đõ thực hiện các giao dịch liên quan đõn hoạt động cõa nhà đõu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Quy định pháp luật xác nhận rằng quyõn và lợi ích hợp pháp cõa nhà đõu tư nước ngoài trong việc đõu tư mua phõn võn góp/ cõ phõn trong các công ty Việt Nam được bõo vệ bõi luật pháp và Chính phõ Việt Nam.

Các hoạt động được phép thực hiện

Với tư cách là người nõm giữ phõn võn góp/ cõ phõn, nhà đõu tư nước ngoài có thõ:

- (i) Tham gia hoặc không tham gia vào công tác quõn lý, điõu hành công ty;
- (ii) Chuyõn đõi các khoõn cõ tức và các khoõn tiõn nhận được từ đõng nội tệ sang đõng ngoại tệ trước khi chuyõn ra nước ngoài;
- (iii) Cõm cõ hoặc thõ chõp bằng cõ phõn nõm giữ cho các giao dịch tín dụng;
- (iv) Được miõn thuõ thu nhập doanh nghiệp đõi với thu nhập được chia từ hoạt động góp võn, liên doanh, liên kõt với công ty trong nước, sau khi đã nộp thuõ TNDN;
- (v) Được cõp thị thực có giá trị một lõn hoặc nhiõu lõn, loại ĐT có thời hạn không quá 5 năm, chứng nhận tạm trú và thõ tạm trú đõ ra vào và cư trú õ Việt Nam; và
- (vi) Được hõng các quyõn và lợi ích như đõi với các nhà đõu tư trong nước.

Thủ tục mua Phần vốn góp/ Cổ phần

Thủ tục mua phần vốn góp/ cổ phần đơn giản hơn so với quy định trước đây khá nhiều. Nhà đầu tư nước ngoài mua hoặc bán phần vốn góp/ cổ phần trong công ty Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Quy định hiện nay cho phép chủ sở hữu hoặc ban lãnh đạo của công ty hoặc tổng công ty Việt Nam quyền tự quyết định vốn đề này, theo quy định tại điều lệ hay quy chế của công ty. Đối với các DNNN cổ phần hóa có nhu cầu bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan Nhà nước quyết định cổ phần hóa sẽ là đơn vị quyết định việc bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

Nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn vào, mua phần vốn góp/cổ phần trong công ty Việt Nam khi:

- Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn vào, mua phần vốn góp/cổ phần trong công ty Việt Nam hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;
- Việc góp vốn, mua phần vốn góp/cổ phần dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài có quyền kiểm soát nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của công ty Việt Nam.

Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký góp vốn, mua phần vốn góp/cổ phần tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương nơi công ty Việt Nam đặt trụ sở chính. Trường hợp việc góp vốn, mua phần vốn góp/cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ để nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục thay đổi thành viên/cổ đông theo quy định của pháp luật.

Nếu không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài chủ cần thực hiện thủ tục thay đổi cổ đông, thành viên theo quy định của LDN khi góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của công ty Việt Nam.

Thuế

Nếu nhà đầu tư nước ngoài đã thanh toán hết các loại thuế và nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam thì sẽ không phải nộp thuế khi trừ tại nguồn (withholding tax) cho việc chuyển ra nước ngoài các khoản thu nhập hợp pháp. Đối với các loại thuế khác, xin xem **Phần 16** dưới đây.

Khu Công Nghiệp/ Khu Chế Xuất

Văn bản Pháp luật

LĐT và LDN tạo lập cơ sở pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu kinh tế. Các văn bản hướng dẫn bao gồm Nghị định số 29/2008/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 14/03/2008, quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, được sửa đổi và bổ sung bằng Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và Nghị định số 114/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015; và nhiều thông tư liên quan đến môi trường, xây dựng, lao động, thuế, thuế tục hải quan trong khu chế xuất, khu công nghiệp và khu kinh tế.

Riêng đối với khu công nghệ cao, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/08/2003 về việc ban hành quy chế khu công nghệ cao thay thế quy chế khu công nghệ cao tại Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ.

Đặc điểm khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao

Khu chế xuất và khu công nghiệp là khu vực có ranh giới cụ thể và không có dân cư, do Chính phủ hoặc Thủ tướng thành lập, bao gồm các doanh nghiệp trong khu chế xuất và khu công nghiệp. Khu kinh tế là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt với môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi cho các nhà đầu tư, có ranh giới địa lý xác định; được tổ chức thành các

khu chức năng gồm: khu phi thuế quan, khu bảo thuế, khu chế xuất, khu công nghiệp, khu giải trí, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu hành chính và các khu chức năng khác. Khu công nghệ cao cũng có các đặc điểm tương tự theo định nghĩa tại Nghị định số 99. Tuy nhiên, đây là khu kinh tế kỹ thuật đa chức năng được thành lập để thực hiện công tác nghiên cứu phát triển (R & D) và ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất và mua bán các sản phẩm công nghệ cao. Cần lưu ý là trong Khu công nghệ cao có thể có khu chế xuất, kho ngoại quan, khu bảo thuế và khu nhà ở.

Theo LĐT, các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao không phải là các phương tiện điển hình cho đầu tư nước ngoài, nhưng khu chế xuất và khu công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Đó là lý do mà nội dung này được mô tả tại đây. Mục đích của khu chế xuất và khu công nghiệp là để cung cấp cơ sở chung, hiệu quả cho việc sản xuất, chế biến và lắp ráp sản phẩm (chế để phục vụ xuất khẩu nếu là khu chế xuất). Các dự án có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích đặt tại các khu này vì các tại đây có cơ sở hạ tầng hiện đại, dịch vụ vận chuyển hàng hóa và tiện ích tốt, cũng như sản có các dịch vụ cạnh tranh.

Về nguyên tắc, đầu tư xây dựng khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế hoặc khu công nghệ cao phải tuân thủ các thủ tục và quy định giống như việc đầu tư của nước ngoài vào các khu này cũng như vào các khu vực khác của đất nước. Để thu hút hơn nữa đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nhà đầu tư nước ngoài được hưởng một số ưu đãi nếu đầu tư xây dựng khu chế xuất và khu công nghiệp, trong đó có ưu đãi về thủ tục cấp phép dễ dàng hơn, thời hạn dài hơn và ưu đãi về thuế.

Thuận lợi đi với việc xin đầu tư vào khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao

Thủ tục xin đầu tư vào khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế hoặc thậm chí là khu công nghệ cao tương tự như việc đặt cơ

sẽ tại các khu vực khác trong toàn quốc, nhưng quá trình xem xét và cấp phép dễ dàng hơn.

Theo Nghị định 118, khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ) được xem là địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn còn khu chế xuất được thành lập theo quy định của Chính phủ nằm trong danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn để được hưởng ưu đãi đầu tư. Các nhà đầu tư vào khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng nhiều hơn so với các nhà đầu tư thông thường khác.

Các doanh nghiệp thành lập mới từ những dự án đầu tư trong khu công nghiệp hoặc khu chế xuất nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, và khu công nghệ cao được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm đầu tiên dự án có doanh thu, sau khi được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các doanh nghiệp thành lập mới từ những dự án đầu tư trong khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, khu chế xuất được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm, và được miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Các nhà đầu tư trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao cũng được sử dụng cơ sở hạ tầng hiện đại, dịch vụ tiện ích và các thuận lợi khác. Nhưng, thay vào đó, họ phải trả giá thuê đất và sử dụng cơ sở hạ tầng cao hơn, và thường phải trả giá thuê đất và cơ sở hạ tầng theo kỳ. Điều này thể hiện mặt không thuận lợi của khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao. Tuy nhiên, trừ các dự án khai thác khoáng sản; sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt ngoài sản xuất ô tô; đất của dự án đầu tư trong khu công nghiệp hoặc khu

chỉ xuất nằm trên các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; và đất của dự án đầu tư trong khu công nghiệp nằm trên các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, khu chỉ xuất được giảm 50% sử dụng phi nộp.

Các doanh nghiệp thành lập mới từ những dự án đầu tư (trừ các dự án khai thác khoáng sản; sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt ngoài sản xuất ô tô) trong khu công nghiệp hoặc khu chỉ xuất nằm trên các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; hoặc trong khu công nghiệp nằm trên các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, khu chỉ xuất được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định, bao gồm:

- (i) Thiết bị, máy móc;
- (ii) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ trong nước chưa sản xuất được; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy;
- (iii) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, giá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng quy định tại điểm (i) và điểm (ii) ở trên;
- (iv) Nguyên liệu, vật tư trong nước chưa sản xuất được dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, giá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc quy định tại điểm (i);
- (v) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư (trừ các dự án khai thác khoáng sản; sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy sưởi điện, tủ lạnh, máy giặt, quạt điện,

máy rửa bát đĩa, đầu đĩa, dàn âm thanh, bàn là điện, ấm đun nước, máy sấy khô tóc, làm khô tay và những mặt hàng khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ) trong khu công nghiệp hoặc khu chế xuất nằm trên các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 5 năm.

Ngoài ra, hàng hóa từ khu phi thuế quan (bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại – công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo quy định của Thủ tướng) xuất khẩu ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chế sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác; là đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Đối với các doanh nghiệp trong khu chế xuất, mức thuế ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT/AFTA) sẽ được áp dụng nếu các doanh nghiệp này xuất khẩu sản phẩm ra thị trường nội địa, miễn là sản phẩm có ít nhất 40% yếu tố xuất xứ từ các nước ASEAN.

Hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng hóa tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT).

Ngoài ra, hàng hóa được bán cho, cũng như các dịch vụ được cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan (nghĩa là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ) và tiêu thụ trong khu phi thuế quan, được coi là hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, và hưởng thuế suất thuế GTGT 0%.

Bên cạnh đó, những người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu

nhập cá nhân, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế, được giảm 50% số thuế phải nộp.

Hợp Đồng Kinh Doanh

Văn bản Pháp luật

Trừ một số hợp đồng thương mại đặc biệt theo quy định của Luật Thương mại ban hành ngày 14/06/2005, tất cả các hợp đồng phải theo quy định chung của Bộ luật Dân sự ban hành cùng ngày (Cả hai luật trên đều có hiệu lực từ ngày 01/01/2006). Đây được coi là thay đổi lớn trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam, vì khuôn khổ pháp lý cho các loại hợp đồng tại Việt Nam đã được quy định thống nhất.

Đặc điểm Hợp đồng

Mặc dù đây không phải là hình thức chính để tiến hành các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, song các doanh nhân nước ngoài muốn tiến hành kinh doanh tại Việt Nam cần chú ý đến loại hình hợp đồng này vì ý nghĩa và tầm quan trọng của nó tới các hoạt động đầu tư và kinh doanh cũng như các cam kết của họ tại Việt Nam.

Hợp đồng kinh doanh phải được lập bằng văn bản, cần hoặc không cần công chứng, tùy thuộc vào tính chất giao dịch, và phải do đại diện theo pháp luật của các bên tham gia hợp đồng ký kết, và tên của những người đại diện theo pháp luật phải được ghi một cách rõ ràng trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và điều lệ công ty trong trường hợp bên ký kết là một pháp nhân.

Một hợp đồng kinh doanh phải có các nội dung chính như mô tả hàng hóa và dịch vụ, chất lượng và số lượng, mức giá ấn định, phương thức và thời gian thanh toán đề xuất, điều kiện giao

hàng hóa và dịch vụ, các điều khoản phạt hợp đồng, bồi thường thiệt hại, v.v. Phụ thuộc vào quá trình thương thảo của các bên trong hợp đồng, các điều kiện và điều khoản về báo hành, thời hạn hợp đồng và giải quyết tranh chấp cũng cần được nêu trong hợp đồng.